

CÔNG TY TNHH RIKA QUANG TUẤN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH RIKA QUANG TUẤN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG TUAN RIKA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109917958

3. Ngày thành lập: 28/02/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Chùa, Ngõ 2, Phố Vân Trì, Thôn Viên Nội, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904375825

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá xe)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

14.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản - phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác	4632
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
24.	Trồng lúa	0111
25.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
26.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
27.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
28.	Trồng cây ăn quả	0121
29.	Trồng cây chè	0127
30.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
31.	Trồng cây lâu năm khác	0129
32.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
33.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
34.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
35.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
36.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
37.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
38.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
39.	Khai thác gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm)	0220
40.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
41.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
42.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
43.	Khai thác thủy sản biển	0311

44.	Khai thác thuỷ sản nội địa	0312
45.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321
46.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
47.	Khai thác và thu gom than non	0520
48.	Khai thác dầu thô	0610
49.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
50.	Khai thác quặng sắt	0710
51.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
53.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Đào tạo công nghệ thông tin; - Dạy máy tính	8559
54.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
55.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
56.	Lập trình máy vi tính	6201
57.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

58.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật; - Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử; - Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; - Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu; - Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin. - Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin; - Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm; - Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; - Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm; - Dịch vụ tích hợp hệ thống; - Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; - Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm. - Dịch vụ phân phối, phát hành sản phẩm nội dung thông tin số; - Dịch vụ nhập, cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ và xử lý dữ liệu số; - Dịch vụ quản trị, duy trì, bảo dưỡng, bảo hành các sản phẩm nội dung thông tin số; - Dịch vụ chỉnh sửa, bổ sung tính năng, bản địa hóa các sản phẩm nội dung thông tin số.	6209
59.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
60.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
61.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	6399
62.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
63.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn kế toán, tư vấn thuế, tư vấn chứng khoán)	7020

64.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động đo đạc và bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 156 Luật xây dựng 2014) - Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp - - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu - Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu - Tư vấn đấu thầu - Thiết kế kết cấu công trình - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn - Thiết kế xây dựng công trình giao thông - Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều	7110
65.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Không bao gồm hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)	7120
66.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
67.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
68.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập, Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán,) Chi tiết: - Tư vấn xử lý môi trường; - Dịch vụ đánh giá tác động môi trường; - Tư vấn lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước - Tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước (Điều 23 Luật tài nguyên nước) - Tư vấn điều tra cơ bản tài nguyên nước (Điều 12 Luật tài nguyên nước) - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu	7490

69.	Cho thuê xe có động cơ	7710
70.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại cấm)	4690
71.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
72.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
73.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
74.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
75.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
76.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
77.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
78.	Khai thác muối	0893
79.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
82.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
83.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến Rong biển, ruốc	1020
84.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
85.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
86.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
87.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
88.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
89.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
90.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
91.	In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm)	1811
92.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
93.	Sao chép bản ghi các loại	1820
94.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
95.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
96.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
97.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
98.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
99.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
100.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
101.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
102.	Sản xuất đồng hồ	2652

103.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
104.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
105.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
106.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
107.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
108.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
109.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
110.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
111.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
112.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
113.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
114.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
115.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
116.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
117.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
118.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
119.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
120.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
121.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
122.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
123.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
124.	Sản xuất máy luyện kim	2823
125.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
126.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
127.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
128.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
129.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
130.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
131.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
132.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
133.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783

134.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
135.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
136.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
137.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
138.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
139.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
140.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
141.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
142.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
143.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
144.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công	7730
145.	Đại lý du lịch	7911
146.	Điều hành tua du lịch	7912
147.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
148.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
149.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
150.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
151.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
152.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
153.	Sản xuất nhạc cụ	3220
154.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
155.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại cấm)	3240
156.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
157.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311

158.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
159.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
160.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
161.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
162.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
163.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
164.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
165.	Thu gom rác thải độc hại	3812
166.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
167.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
168.	Tái chế phế liệu	3830
169.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
170.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
171.	Xây dựng nhà không để ở	4102
172.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
173.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
174.	Xây dựng công trình điện	4221
175.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
176.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
177.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
178.	Xây dựng công trình thủy	4291
179.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
180.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
181.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
182.	Phá dỡ (không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)	4311
183.	Chuẩn bị mặt bằng (không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)	4312
184.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
185.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
186.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
187.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
188.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
189.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 28/02/2022 đến ngày 30/03/2022

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ QUANG TUẤN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *28/12/1979*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *013545362*

Ngày cấp: *22/05/2012*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Địa chỉ thường trú: *Phòng 711 B15 Đại Kim - Định Công, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 6 A14 Tập thể đường sắt Hà Thái, Ngõ 7 đường Kẽ Vẽ, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*